TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77** /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 06 -6 - 2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thế Hùng
2. Ông Phạm Viết Nguyên
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký TAND huyện Yên Định.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên

Ngày 06/6/2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số 44/2019/TLST - HNGĐ ngày 18/3/2019 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh MVH, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn LT, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Nơi ĐKNKTT: Thôn LT, xã YT, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
Hiện tạm trú tại số nhà 11/6E tổ 5, khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của anh H ngày 18/3/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh MVH trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị TTTxây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 19/02/2016 tại UBND xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Cuộc sống có nhiều điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra chị T về nhà mẹ đẻ từ tháng

4/2018. Sau đó mang con vào tỉnh Bình Dương sinh sống.Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đó. Từ khi ly thân H bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là MĐH, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay con đang ở cùng chị T. Nguyện vọng của anh giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh xin được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T không có mặt tại nơi cư trú, căn cứ địa chỉ nguyên đơn cung cấp, ngày 11 tháng 4 năm 2019 TAND huyện Yên Định ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương. Tại biên bản lấy lời kH chị T trình bầy như sau:

Chị và anh H tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2016 tại UBND xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung. Anh H nghe lời bố mẹ đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Do tình cảm đã không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau. Anh H khởi kiện xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là MĐH, sinh ngày 07/12/2016. Hiện nay con đang ở cùng chị T. Nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu anh H được ly hôn chị T; Về con chung giao cháu MĐH cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Về tài sản và công nợ chung:

Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh H và chị T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. H bên sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh H và chị T sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh H xin ly hôn, về phía chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi cháu MĐH, anh H cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy: Nguyện vọng xin nuôi con của chị T chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản và công nợ chung: Anh H và chị T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh MVH được ly hôn chị Trịnh Thị T

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu MĐH, sinh ngày 07/12/2016. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh MVH phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà anh H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003213 ngày 18/3/2019. Chấp nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã YT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng